

Bản án số: 123/2022/DS-PT
Ngày 27 – 9 – 2022
V/v tranh chấp đòi quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Ông Bùi Anh Tuấn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Minh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:**
Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2022/TLPT-DS ngày 27 tháng 6 năm 2022, về việc “tranh chấp đòi quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2022/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2022 của **Tòa án nhân dân huyện H**, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 70/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lưu Cẩm V, sinh năm 1947; địa chỉ: Ấp 37, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lưu Cẩm V: Anh Trần Trường X, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp 37, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trần Minh Thu, là trợ giúp viên thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

- **Bị đơn:** Ông Trần Văn Tr, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn Tr: Ông Trần Văn Q, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Huỳnh Kim Mai, là luật sư của Văn phòng luật sư Huỳnh Kim Mai. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lương Thị H, sinh năm 1977 (vắng mặt)
2. Anh Trần Văn K, sinh năm 2000 (vắng mặt)
3. Anh Trần Trường Gi, sinh năm 2001 (vắng mặt)
4. Ông Trần Văn Q, sinh năm 1962 (có mặt)
5. Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

6. Ông Trần Công Kh, sinh năm 1956; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

7. Bà Trần Thị Mỹ A, sinh năm 1958 (vắng mặt)

8. Bà Trần Thị Thu V, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Vĩnh M, xã Vĩnh H, huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu

9. Bà Trần Thị Th, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lưu Cẩm V; bị đơn ông Trần Văn Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo tại Tòa án nhân dân huyện H và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp bà đang sử dụng và phần đất tranh chấp (giáp ranh đất của ông Trần Văn Tr đang quản lý) là của bà nhận chuyển nhượng của bà Thái Thị Đ (Tư Kh) vào năm 1980, việc sang nhượng chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không làm giấy tờ gì. Khi đó, không có đo đạc xác định diện tích cụ thể, chỉ xác định được vị trí thửa đất hình tam giác. Khi sang nhượng thì không ai chứng kiến nhưng con bà Đ là Trần Văn K, Trần Kim H, Trần Văn L, Trần Văn T, Trần Thị L, Trần Văn Tr, Trần Văn E và Trần Mỹ D có biết. Phần đất bà sang nhượng của bà Đ giáp ranh với đất gia đình ông Trần Văn Tr đang sử dụng (phần đất gia đình ông Tr do bà Đ cho). Hiện trạng đất lúc bà nhận chuyển nhượng là đất trống và 01 cái ao; giá chuyển nhượng là 20 gạ lúa.

Sau khi bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Đ xong khoảng 3-4 năm thì ông K (cha), ông Kía, ông ba Đ, ông T thuê một phần đất của bà để hùn với nhau làm lò đường. Tuy nhiên, sau đó không mua máy được nên không làm, bà đã nhận lúa thuê và cũng đã trả lại cho ông K xong.

Năm 1985, ông K cất nhà và trồng cây lán qua đất của bà nên phát sinh tranh chấp. Khi đó, bà có nhờ địa phương giải quyết. Ban đầu, bà đồng ý cho ông K luôn phần đất đã lán chiếm vì khi đó ông K lán chiếm chưa nhiều. Thời điểm đó, xác định ranh, cắm cọc bằng trụ đá, có địa phương chứng kiến. Năm 2014, con ông K là Trần Văn Tr (sống cùng nhà với ông K) cải tạo đất, thuê

xáng cuộc làm mất trụ đá. Khi đó, có mời chính quyền giải quyết thì gia đình ông K mới xuất trình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bà không biết ông K được cấp giấy chứng nhận khi nào).

Nay bà yêu cầu phải trả lại toàn bộ diện tích đất lấn chiếm theo đo đạt thực tế là 209,7m².

Theo bị đơn trình bày trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Nguồn gốc đất ông Tr đang quản lý sử dụng (bao gồm cả phần đất tranh chấp) do cha mẹ ông Tr là ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị Ph khai phá trước năm 1975. Cha ông Tr được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1994 (theo quyết định số 82/QĐ.UB ngày 23/4/1994 của UBND huyện V, tỉnh Minh Hải - nay là huyện H, tỉnh Bạc Liêu).

Ông Tr sống chung với cha mẹ và sử dụng chung toàn bộ phần đất trên từ trước đến nay. Cha ông Tr chết năm 2015 và mẹ ông Tr chết 2016, sau đó thì ông Tr tiếp tục sử dụng phần đất cha mẹ để lại.

Phần đất bà V yêu cầu (tranh chấp), vào năm 1979 Nhà nước làm công thủy lợi và xin đất của gia đình ông Tr để làm móng cống. Do đó tạo thành ao và gia đình ông Tr sử dụng nuôi cá. Thời điểm cha ông Tr được cấp quyền sử dụng đất và thời điểm Nhà nước làm cống thì bà V chưa về đó sinh sống. Sau khi làm cống xong vài năm thì bà V mới về đó sinh sống.

Phần đất bà V đang quản lý có nguồn gốc của bà T (không biết họ tên cụ thể), ông Tr không biết bà Kh bán hay cho bà V, chỉ thấy bà V về đó sinh sống. Hiện nay vợ chồng bà Kh đã chết. Khi bà V về đó sinh sống thì ranh giới với đất gia đình ông Tr không xác định cụ thể.

Đối với yêu cầu của bà V, ông yêu cầu xem xét theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho gia đình ông (hộ ông Trần Văn K). Trường hợp đất tranh chấp không thuộc quyền sử dụng của gia đình ông mà thuộc quyền sử dụng đất của bà V thì ông Tr đồng ý trả đất cho bà V.

Theo bản trích đo diện tích tranh chấp ngày 06/11/2020 của Cơ quan chuyên môn xác định trong 209,7m² đất tranh chấp thì diện tích 46m² thuộc một phần thửa đất số 158 (12 cũ), tờ bản đồ 05 (12 cũ), tức thuộc quyền sử dụng của bà V đang quản lý; còn lại diện tích 163,7m² thuộc một phần thửa đất số 157 (13 cũ), tờ bản đồ số 05 (12 cũ), tức thuộc quyền sử dụng đất hộ ông Trần Văn K (hiện do quản lý) thì ông Tr có ý kiến như sau:

Cơ quan chuyên môn xác định đất tranh chấp chỉ nằm trong giấy chứng nhận gia đình ông Tr một phần (163,7m² /209,7m²) là ông Tr không đồng ý, nhưng ông Tr không yêu cầu hay khiếu nại gì. Ông Tr yêu cầu Tòa án căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật.

Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Công Kh, bà Trần Thị Mỹ A; ông Trần Văn Q; bà Trần Thị Thu V trình bày:

Cùng thống nhất trình bày nguồn gốc đất giống như ông Tr đã trình bày và đối với yêu cầu của bà V thì ông Kh, bà Mỹ A, ông Q và bà Thu V cùng có ý kiến như sau: Yêu cầu xem xét theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho gia đình (hộ ông Trần Văn K). Trường hợp đất tranh chấp không thuộc quyền sử dụng của gia đình (ông K) mà thuộc quyền sử dụng đất của bà V thì đồng ý trả đất cho bà V.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Th trình bày: Bà thống nhất nguồn gốc đất như ông Tr trình bày; diện tích đất tranh chấp là của gia đình bà nên bà không đồng ý theo yêu cầu đòi đất của bà V.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2022/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tuyên xử:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 36, Điều 39 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Cẩm V kiện đòi (cùng bà Lương Thị H, anh Trần Văn K, anh Trần Trường Gi) trả phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 46m²;

2/ Buộc cùng với bà Lương Thị H, anh Trần Văn K, anh Trần Trường Gi phải trả cho bà Lưu Cẩm V diện tích qua đo đạc thực tế có diện tích 46m² có vị trí cụ thể như sau:

- + Hướng Đông giáp đất (phần đất tranh chấp còn lại), cạnh dài 26,65m
- + Hướng Tây giáp đất bà Lưu Cẩm V, cạnh dài 26,3m
- + Hướng Nam giáp đất ông Lư Thiện Ch, cạnh dài 2,0m
- + Hướng Bắc giáp đường lộ xi măng, cạnh dài 1,5m

Thuộc một phần thửa 158 (12 cũ), tờ bản đồ số 05 (12 cũ) đứng tên bà Lưu Cẩm V trên bản đồ địa chính. (Kèm theo Bản án là mảnh trích đo địa chính ngày 06/11/2020)

3/ Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Cẩm V kiện đòi (cùng bà Lương Thị H, anh Trần Văn K, anh Trần Trường Gi) trả phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 163,7m².

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 05 năm 2022, bị đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Cẩm V.

Ngày 12 tháng 05 năm 2022, nguyên đơn bà Lưu Cẩm V kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm buộc, bà Lương Thị H, anh Trần Văn K, anh Trần Trường Gi trả cho bà diện tích đất theo đo đạc thực tế là 163,7m²

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà Lưu Cẩm V, người đại diện theo ủy quyền của giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Tại biên bản lấy lời khai của khẳng định: *trường hợp phần đất tranh chấp trên không thuộc quyền sử dụng đất của cha tôi mà thuộc quyền sử dụng của người khác thì tôi đồng ý trả cho người đó.* Cũng như những lời khai của bà Trần Thị Mỹ A, bà Trần Thị Thu V, ông Trần Văn Q, ông Trần Văn Kh, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tại biên bản hòa giải. Như vậy, đối với phần đất tranh chấp có diện tích 46m² thuộc một phần thửa đất số 158 (tờ bản đồ số 12 cũ), tờ bản đồ số 05 (tờ bản đồ số 12 cũ) thuộc quyền sử dụng của bà V nên cần giao lại phần đất cho bà V là phù hợp. Mặc dù, công văn của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H không khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K là đúng với thực tế hay không. Mặc khác, ông Tr không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án. Ngoài ra, bà Thái Thị Đ (T) chuyển nhượng đất cho bà V phần đất có diện tích đất đang tranh chấp có nhiều người dân địa phương chứng kiến. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lưu Cẩm V đối với bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Ranh đất hai bên có bờ, nhà ông K sinh sống trước hơn nhà bà V. Ngoài ra, diện tích đất 46m² bà V đã bán cho ông K nên bị đơn không đồng ý trả đất. Ông K mua đất để làm lò đường, sau khi không làm lò đường nữa thì ông K cho bà V mượn ở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của, bác khởi kiện của bà Lưu Cẩm V.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử; Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Lưu Cẩm V yêu cầu trả lại diện tích đất lấn chiếm là 209,7m². Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/5/2020 (bút lục 77 - 76) và Mảnh trích đo địa chính thửa đất lập ngày 06/11/2020 (bút lục 95) thể hiện diện tích đất tranh chấp tổng diện tích là 209,7m² đất tọa lạc tại ấp Tràm I, xã Minh Diệu, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí cụ thể như sau:

- + Hướng Đông giáp đất , cạnh dài 27,9m
- + Hướng Tây giáp đất bà Lưu Cẩm V, cạnh dài 26,3m
- + Hướng Nam giáp đất và đất ông Lư Thiện Chí, cạnh dài 8,7m
- + Hướng Bắc giáp đường lộ xi măng, cạnh dài 6,9m.

Thuộc một phần thửa 158 (12 cũ), tờ bản đồ số 05 (12 cũ) đứng tên bà Lưu Cẩm V trên bản đồ địa chính.

[3] Về nguồn gốc đất:

[3.1] Nguyên đơn bà V xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của bà V nhận chuyển nhượng của bà Thái Thị Đ (T) vào năm 1980, việc sang nhượng chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không làm giấy tờ, không đo đạc xác định diện tích cụ thể.

[3.2] Bị đơn ông Tr trình bày nguồn gốc đất tranh chấp do cha mẹ ông là Trần Văn K và bà Nguyễn Thị Ph khai phá trước năm 1975, cha ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1994.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn: Nguyên đơn cho rằng chuyển nhượng đất của bà Đ nhưng chỉ thỏa thuận bằng lời nói, theo quy định của pháp luật việc chuyển nhượng đất phải được lập thành văn bản và phải có công chứng, chứng thực. Bà V xác định chuyển nhượng đất không làm giấy tờ, không đo đất và cũng không xác định được diện tích chuyển nhượng. Tại phiên tòa, ngoài lời trình bày thì bà V không có chứng cứ nào chứng minh diện tích 163,7m² là của bà V đã chuyển nhượng của bà Đ, trong khi diện tích đất trên quản lý, sử dụng và ông K (cha ông Tr) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đòi bị đơn diện tích 163,7m² là có căn cứ.

[5] Xét kháng cáo của bị đơn: Không đồng ý trả đất cho nguyên đơn diện tích 46m². Xét thấy, ông Tr thừa nhận giáp ranh đất của ông là cái ao, cái ao này của gia đình ông Tr. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh ông Lữ Văn S, ông Trần Văn K đều xác định phần đất bà V khi nhận chuyển nhượng của bà Thái Thị Đ có cái ao giáp ranh đất ông K nhưng cái ao hiện nay không còn vì đã bị bồi lấp chỉ còn lại là một mương nhỏ. Căn cứ vào kết quả đo đạc, thẩm định cơ quan chuyên môn xác định trong 209,7m² đất tranh chấp thì diện tích 46m² thuộc một phần thửa đất số 158 (12 cũ), tờ bản đồ 05 (12 cũ), thuộc quyền sử dụng của bà V đang quản lý; còn lại diện tích 163,7m² thuộc một phần thửa đất số 157 (13 cũ), tờ bản đồ số 05 (12 cũ), thuộc quyền sử dụng đất hộ ông Trần Văn K (hiện

do quản lý) nên ông Tr cho rằng diện tích 46m² bà V đã chuyển nhượng cho cha ông để làm lò đường trong khi bà V không thừa nhận. Ông Tr không có tài liệu chứng cứ, chứng minh. Do đó, Tòa án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Tr trả diện tích 46m² là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lưu Cẩm V, không chấp nhận kháng cáo của , không chấp nhận lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, bị đơn. Có căn cứ chấp nhận **ý kiến** của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Về án phí dân sự:

[6.1] Án phí sơ thẩm: Buộc Ông Tr phải nộp án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng. Bà V được miễn án phí 300.000 đồng, do bà V có đơn xin miễn án phí nên bà V được miễn toàn bộ án phí.

[6.2] Án phí phúc thẩm: Do bà Lưu Cẩm V có đơn xin miễn án phí nên bà V được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm. phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 36, Điều 39 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lưu Cẩm V, , giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 10/2022/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Cẩm V đòi (cùng bà Lương Thị H, anh Trần Văn K, anh Trần Trường Gi) trả quyền sử dụng đất có diện tích 46m².

2. Buộc, bà Lương Thị H, anh Trần Văn K, anh Trần Trường Gi trả cho bà Lưu Cẩm V diện tích theo đo đạc thực tế có diện tích 46m² có vị trí cụ thể như sau:

- + Hướng Đông giáp đất (phần đất tranh chấp còn lại), cạnh dài 26,65m
- + Hướng Tây giáp đất bà Lưu Cẩm V, cạnh dài 26,3m

+ Hướng Nam giáp đất ông Lư Thiện Chí, cạnh dài 2,0m

+ Hướng Bắc giáp đường lộ xi măng, cạnh dài 1,5m

Thuộc một phần thửa 158 (12 cũ), tờ bản đồ số 05 (12 cũ) đứng tên bà Lưu Cẩm V trên bản đồ địa chính. (Kèm theo Bản án là mảnh trích đo địa chính ngày 06/11/2020)

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Cẩm V đòi , bà Lương Thị H, anh Trần Văn K, anh Trần Trường Gi trả quyền sử dụng đất có diện tích 163,7m² thuộc một phần thửa đất số 157 (13 cũ), tờ bản đồ số 05 (12 cũ).

4. Chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản tranh chấp: Ông Tr phải chịu chi phí thẩm định, định giá là 500.000 đồng, bà V phải chịu chi phí thẩm định, định giá là 1.580.820 đồng. Bà V đã dự nộp 2.080.820 đồng đã chi phí hết, buộc ông Tr phải trả lại cho bà V số tiền 500.000 đồng.

5. Về án phí dân sự:

5.1. Án phí sơ thẩm: Buộc Ông Tr phải nộp án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng. Bà V được miễn án phí 300.000 đồng.

5.2. Án phí phúc thẩm: phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng. Ông Tr đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng tại Biên lai thu số 0003100 ngày 06/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí. Bà V có đơn xin miễn án phí do bà thuộc diện người cao tuổi nên bà V được miễn tòa bộ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Đường sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lệ Kiều